

Số: 1869103

|                                            | Kia K5 2.5 GT Line                     | Kia Sportage 2.0G Signature  |
|--------------------------------------------|----------------------------------------|------------------------------|
| <b>Giá niêm yết:</b>                       | <b>957.000.000đ</b>                    | <b>919.000.000đ</b>          |
| <b>KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:</b>            |                                        |                              |
| Kích thước tổng thể (mm)                   | 4905 x 1860 x 1465                     | 4660 x 1865 x 1700           |
| Chiều dài cơ sở (mm)                       | 2850                                   | 2755                         |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)          | 5490                                   | 5890                         |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                    | 135                                    | 190                          |
| Khối lượng không tải (kg)                  | 1510                                   | 1650                         |
| Khối lượng toàn tải (kg)                   | 1960                                   | 2100                         |
| Thể tích khoang hành lý (L)                | 510                                    | 543                          |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)             | 60                                     | 54                           |
| Số chỗ ngồi                                | 5                                      | 5                            |
| Nguồn gốc                                  | SX-LR trong nước                       | SX-LR trong nước             |
| <b>DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:</b>               |                                        |                              |
| Loại động cơ                               | Smartstream 2.5 GDI                    | Xăng 2.0L                    |
| Dung tích xi lanh (cc)                     | 2497                                   | 1999                         |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)               | 191 / 6100                             | 154 / 6200                   |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)              | 246 / 4000                             | 192 / 4500                   |
| Hộp số                                     | 8AT                                    | 6AT                          |
| Hệ thống dẫn động                          | Cầu trước (FWD)                        | Cầu trước (FWD)              |
| Hệ thống treo trước                        | McPherson                              | Mc Pherson                   |
| Hệ thống treo sau                          | Liên kết đa điểm                       | Liên kết đa điểm             |
| Hệ thống phanh trước                       | Đĩa                                    | Đĩa                          |
| Hệ thống phanh sau                         | Đĩa                                    | Đĩa                          |
| Thông số lốp xe                            | 235/45 R18                             | 235/55 R19                   |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)       | 9.76                                   | 6.8                          |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km) | 5.47                                   | 5.1                          |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)      | 7.05                                   | 5.9                          |
| Chế độ lái                                 | Normal / Comfort / Eco / Sport / Smart | Normal / Eco / Sport / Smart |
| <b>NGOẠI THẤT:</b>                         |                                        |                              |
| Cụm đèn trước                              | LED                                    | LED Projector                |
| Đèn trước tự động bật/tắt                  | ●                                      | ●                            |
| Đèn ban ngày LED                           | ●                                      | ●                            |
| Đèn sương mù                               | LED                                    | LED                          |
| Cụm đèn sau                                | LED                                    | LED                          |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện       | ●                                      | ●                            |
| Gạt mưa tự động                            | ●                                      | ●                            |
| Cửa sổ trời                                | ●                                      | ●                            |
| <b>NỘI THẤT - TIỆN NGHI:</b>               |                                        |                              |
| Vô lăng bọc da                             | ●                                      | ●                            |
| Chất liệu ghế                              | Da                                     | Da                           |
| Ghế người lái chỉnh điện                   | ●                                      | ●                            |
| Ghế người lái có nhớ vị trí                | ●                                      | ●                            |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ         | ●                                      | ●                            |
| Hàng ghế trước có tính năng làm mát        | ●                                      | ●                            |
| Hàng ghế trước có tính năng sưởi           | ●                                      | ●                            |

|                                         |                |                                            |
|-----------------------------------------|----------------|--------------------------------------------|
| Kính cửa sổ chỉnh điện                  | ●              | ●                                          |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin           | Full LCD 12.3" | Full-LCD 12.3"                             |
| Màn hình HUD                            | ●              |                                            |
| Màn hình giải trí trung tâm             | AVN 10.25      | AVN 12.3"                                  |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto      | ●              | ●                                          |
| Hệ thống điều hòa tự động               | ●              | ●                                          |
| Số vùng khí hậu điều hòa                | 2              | 2                                          |
| Cửa gió cho hàng ghế sau                | ●              | ●                                          |
| Chìa khóa thông minh                    | ●              | ●                                          |
| Khởi động nút bấm                       | ●              | ●                                          |
| Khởi động từ xa                         | ●              | ●                                          |
| Hệ thống âm thanh                       | 12 loa Bose    | 8 loa Harman/Kardon                        |
| Lấy chuyển số                           | ●              | ●                                          |
| Sạc không dây Qi                        | ●              | ●                                          |
| Phanh đỗ điện tử                        | ●              | ●                                          |
| Giữ phanh tự động Autohold              | ●              | ●                                          |
| Đèn trang trí nội thất                  | ●              |                                            |
| Rèm che nắng                            | ●              |                                            |
| <b>AN TOÀN:</b>                         |                |                                            |
| Số túi khí                              | 6              | 6                                          |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS        | ●              | ●                                          |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD        | ●              | ●                                          |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA       | ●              | ●                                          |
| Hệ thống cân bằng điện tử               | ●              | ●                                          |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA | ●              | ●                                          |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa         | ●              | ●                                          |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                   | Trước & sau    | Trước & Sau                                |
| Hệ thống cảnh báo điểm mù               | ●              | ●(hỗ trợ tránh va chạm + hiển thị điểm mù) |
| Hệ thống điều khiển hành trình          | ●              | ●                                          |
| Hệ thống cảnh báo áp suất lốp           | ●              | ●                                          |
| Camera lùi                              | ●(Camera 360)  | ●(Tích hợp camera 360)                     |